

DỰ THẢO

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SCT ngày / /2020 của Sở Công Thương Đồng Nai)

S T T	Tên chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch	Hạng chợ	Hình thức quản lý chợ	Hình thức đầu tư xây dựng chợ		Nhóm chợ	Kê khai giá	Thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ			Thu đầu tư			Thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ		Ghi chú
						Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn ngoài NSNN			Hộ KD cố định		Hộ KD không cố định	Ki-ốt	Điểm KD khác	Thu theo đơn vị khác	Thu theo QĐ 27	Khác	
										Thu theo đơn vị Đồng/m ² /tháng	Thu theo đơn vị khác	Đồng/hộ/ngày						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA		33	33		24	9	22		12	0	12	12	12	0	3	0	
1	Chợ Biên Hòa	Phường Thanh Bình	C1	1	BQL	X		PL		50.000 (tầng trệt) 30.000 (tầng lầu)		5.000	30.000	21.000 (tầng trệt); 16.500 (tầng lầu)		có thu		
2	Chợ Tân Biên	Phường Tân Biên	C2	1	DN	X	X	PL	chưa	136.000		5.000	115.000	78.000				
3	Chợ Tân Hiệp	Phường Tân Hiệp	C4	1	BQL	X		PL		50.000		5.000	30.000	21.000				
4	Chợ Sắt	Phường Tân Biên	C201	2	BQL	X		PL		40.000		4.000	25.000	17.500		có thu		Thu không đủ chi
5	Chợ Tam Hòa	Phường Tam Hòa	C7	2	HTX	X		PL		50.000		5.000						
6	Chợ Tân Phong	Phường Tân phong	C6	2	BQL	X		PL		47.000		8.000	26.000	20.000				Thu không đủ chi
7	Chợ Long Bình Tân	Phường Long Bình Tân	C11	2	HTX	X		PL					25.000	17.500				
8	Chợ Bửu Hòa	Phường Bửu Hòa	C8	2	DN		X		chưa									
9	Chợ Tân Mai	Phường Tân Mai	C5	2	DN		X		chưa									
10	Chợ Hóa An	Phường Hóa An	C23	2	BQL	X		PL		40.000		3.500	25.000	17.500		có thu		
11	Chợ Khu dân cư Bửu Long	Phường Bửu Long	C9	2	DN		X		chưa				20.000	14.500				
12	Chợ An Bình	Phường An Bình	C13	3	BQL	X		PL										
13	Chợ Tân Tiến	Phường Tân Tiến	C14	3	BQL	X		PL		30.000		3.000						
14	Chợ Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp	C15	3	BQL	X		PL		30.000		3.000						
15	Chợ khu phố 3 Bửu Long	Phường Bửu Long	C10	3	BQL	X		PL										
16	Chợ Thái Bình	Phường Tân Hòa	C17	3	BQL	X		PL		20.000		2.000						
17	Chợ Hiệp Hòa	Phường Hiệp Hòa	C26	3	DN		X						20.000	14.000				
18	Chợ Tân Vạn	Phường Tân Vạn	C16	3	BQL	X												
19	Chợ Tân Hạnh	Phường Tân Hạnh	C24	3	DN		X											
20	Chợ khu phố 6 Long Bình	Phường Long Bình	TH2	3	DN	X												
21	Chợ ngã ba Thanh Hóa	Phường Trảng Dài	TH6	3	HKD		X											
22	Chợ ông Cát	Phường Trảng Dài	TH7	3	HKD		X											
23	Chợ Hàng Dâu	Phường Quyết Thắng	C20	3	HTX	X		PL					20.000	14.000				
24	Chợ số 6 Hồ Nai	Phường Hồ Nai	C21	3	BQL	X		PL					20.000	14.000				
25	Chợ Bến gỗ	Phường An Hòa	C25	3	BQL	X		PL		75.000		3.000						
26	Chợ Tân Mai 2	Phường Phước Tân	C28	3	BQL	X		PL										
27	Chợ Tam Phước	Phường Tam phước	C196	3	DN		X											
28	Chợ Hương Phước	Phường Phước Tân	TH9	3	BQL	X		PL					18.000	12.500				
29	Chợ Thánh Tâm	Phường Tân Hòa	TH1	3	BQL													
30	Chợ Kỷ Niệm	Phường Trung Dũng	TH4	3	BQL	X		PL		20.000		2.000						
31	Chợ Lò Bô	Phường Thanh Bình	TH5	3	BQL	X		PL										
32	Chợ Hội Am	Phường Hồ Nai	TH3	3	BQL	X		PL										
33	Chợ Cây Châm	Phường Quang Vinh	TH8	3	BQL	X		PL										

S T T	Tên chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch	Hạng chợ	Hình thức quản lý chợ	Hình thức đầu tư xây dựng chợ		Nhóm chợ	Kê khai giá	Thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ			Thu đầu tư			Thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ		Ghi chú
						Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn ngoài NSNN			Hộ KD cố định		Hộ KD không cố định	Ki-ốt	Điểm KD khác	Thu theo đơn vị khác	Thu theo QĐ 27	Khác	
										Thu theo đơn vị Đồng/m ² /tháng	Thu theo đơn vị khác	Đồng/hộ/ngày						
II	HUYỆN TRẢNG BOM		17	17		12	5	7		9	0	16	0	0	0	0	1	Thu giữ xe: 3.000 đồng/lượt xe máy, 2.000 đồng/lượt xe đạp; Thu vệ sinh: 2.000 đồng/lượt; Thu trông giữ hàng hóa ban đêm: 5.000-10.000 đồng/ki-ốt/đêm
1	Chợ Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	C29	2	HTX	X		PL		40.000		2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần
2	Chợ Trà cổ	Xã Bình Minh	C31	2	HTX	X		PL		18.000		2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần
3	Chợ Đồng Hòa	Xã Đồng Hòa	C32	2	HTX	X		PL		36.000		2.500-3.500					xe dưới 2 tấn 10.000 đồng/lượt; xe trên 2 tấn thu 15.000 đồng/lượt	thu đầu tư 1 lần
4	Chợ An Chu	Xã Bắc Sơn	C33	2	DN	X				60.000		2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần
5	Chợ Khu công nghiệp Sông Mây	Xã Bắc Sơn	C36	2	DN		X		chưa			2.500-3.500						
6	Chợ Phú Sơn	Xã Bắc Sơn	C35	3	DN		X		chưa			2.500-3.500						
7	Chợ Giang Diên	Xã Giang Diên	C37	3	DN		X	PL	chưa			2.500-3.500						Công ty CP Địa ốc 9 chưa bàn giao và thanh quyết toán công trình chợ, BQL chợ chỉ thu tiền hoa chi để đảm bảo vệ sinh môi trường tại chợ
8	Chợ Lộc Hòa	Xã Tây Hòa	C38	3	HTX	X		PL		18.000		2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần
9	Chợ Quảng Biên	Xã Quảng Tiến	C40	3	BQL	X		PL		35.000		2.500-3.500						
10	Chợ Sông Thao	Xã Sông Thao	C41	3	BQL	X		PL		18.000		2.500-3.500						
11	Chợ Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm	C43	3	BQL	X				18.000		2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần
12	Chợ Hưng Long	Xã Hưng Thịnh	C45	3	BQL	X						2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần; đang đưa vào hoạt động nên chưa thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng
13	Chợ Thanh Hóa	Xã Hồ Nai 3	C47	3	BQL	X						2.500-3.500						nhà lồng chợ xuống cấp nên chưa thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng
14	Chợ Hồ Nai 3	Xã Hồ Nai 3	C48	3	DN		X											
15	Chợ Sông Trầu	Xã Sông Trầu	C49	3	DN		X		chưa	18.000		2.500-3.500						
16	Chợ Cây Gáo	Xã Cây Gáo	C51	3	BQL	X						2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần; đang nâng cấp nên chưa thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng
17	Chợ Trường An	Xã Thanh Bình	C44	3	BQL	X						2.500-3.500						thu đầu tư 1 lần; đang thu đầu tư đợt 2 nên chưa thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng
III	HUYỆN THỐNG NHẤT		13	13		10	3	10		10	0	9	9	9	0	0	0	
1	Chợ Dốc Mơ	Xã Gia Tân 1	C53	2	HTX	X		PL		36.000		3.000	22.500	16.000				
2	Chợ Dầu Giây	Thị trấn Dầu Giây	C59	2	HTX	X		PL		25.000		2.500	20.000	14.500				
3	Chợ Phúc Nhạc	Xã Gia Tân 3	C55	2	HTX	X		PL		36.000		3.000	22.500	16.000				
4	Chợ Nguyễn Huệ	Xã Quang Trung	C56	3	DN		X		chưa									thu đầu tư 1 lần
5	Chợ Lê Lợi	Xã Quang Trung	C57	3	HTX	X		PL		36.000		2.000	18.000	12.500				

[illegible]

S T T	Tên chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch	Hạng chợ	Hình thức quản lý chợ	Hình thức đầu tư xây dựng chợ		Nhóm chợ	Kê khai giá	Thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ			Thu đầu tư			Thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ		Ghi chú
						Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn ngoài NSNN			Hộ KD cố định		Hộ KD không cố định	Ki-ốt Đồng/m ² /tháng	Điểm KD khác Đồng/m ² /tháng	Thu theo đơn vị khác	Thu theo QĐ 27	Khác	
										Thu theo đơn vị Đồng/m ² /tháng	Thu theo đơn vị khác	Đồng/hộ/ngày						
VI	THÀNH PHỐ LONG KHÁNH		8	8		2	6	7		3	4	7	1	1	0	0	0	
1	Chợ Long Khánh	Phường Xuân Trung	C106	1	HTX		X	PL	X			5.000						Thu khu tự sản tự tiêu 150.000 đ/hộ/tháng
2	Chợ Xuân Thanh	Phường Xuân Thanh	C107	3	HTX		X	PL	X	30.000			10.000	7.000				
3	Chợ Xuân Tân	Phường Xuân Tân	C111	3	DN		X		chưa		4.000 đ/hộ/ngày	4.000						
4	Chợ Bảo Vinh	Phường Bảo Vinh	C110	3	BQL		X	PL		15.000		2.000						
5	Chợ Bàu Cối	Xã Bàu Quang	C117	3	BQL		X	PL	chưa	12.000		5.000						
6	Chợ Xuân Lập	Phường Xuân Lập	C119	3	BQL	X		PL			2.000 đ/hộ/ngày	2.000						
7	Chợ Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn	C112	3	HTX	X		PL			2.500 đ/hộ/ngày	2.000						
8	Chợ Bình Lộc	Xã Bình Lộc	C113	3	HTX		X	PL	chưa		3.000 đ/hộ/ngày	3.000						
VII	HUYỆN XUÂN LỘC		14	14		6	8	4		0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Chợ Xuân Đà	Xã Xuân Tâm	C122	2	BQL		X											
2	Chợ Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng	C123	2	BQL	X		PL										
3	Chợ Suối Cát	Xã Suối Cát	C125	2	HTX	X		PL										
4	Chợ Bảo Hòa	Xã Bảo Hòa	C126	2	HTX	X		PL										
5	Chợ Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	C121	2	BQL		X											
6	Chợ Gia Ray	Xã Xuân Trường	C127	3	BQL	X		PL										
7	Chợ Xuân Thọ	Xã Xuân Thọ	C124	3	DN		X		chưa									
8	Chợ Bình Hòa	Xã Xuân Phú	C128	3	HTX		X											
9	Chợ Thọ Lộc	Xã Xuân Thọ	C129	3	BQL		X											
10	Chợ Lang Minh	Xã Lang Minh	C130	3	HTX		X											
11	Chợ Tân Hữu	Xã Xuân Thành	C131	3	HTX		X											
12	Chợ Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	C132	3	BQL	X												
13	Chợ Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	C133	3	BQL	X												
14	Chợ Mã Vôi	Xã Bảo Hòa	C135	3	DN		X		chưa									
VIII	HUYỆN VĨNH CỬU		8	8		4	4	4		0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Chợ Tân Bình	Xã Tân Bình	C139	2	DN		X		chưa									
2	Chợ Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	C137	2	BQL	X		PL										
3	Chợ Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	C140	2	DN		X		chưa									
4	Chợ Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	C142	3	BQL	X		PL										
5	Chợ Mã Đà	Xã Mã Đà	C143	3	BQL		X											
6	Chợ Phú Lý	Xã Phú Lý	C145	3	BQL	X		PL										
7	Chợ Ấp 3 (Bình Lợi)	Xã Bình Lợi	C148	3	HKD		X		chưa									
8	Chợ Khu phố 1 Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	C138	3	BQL	X		PL										
IX	HUYỆN NHƠN TRẠCH		12	12		6	6	5		4	2	12	11	0	1	3	0	
1	Chợ Đại Phước	Xã Đại Phước	C152	2	DN		X		chưa	36.000		5.000-10.000	36.000			có thu		Thu giữ xe: 3.000 đồng/lượt xe máy, 2.000 đồng/lượt xe đạp; Thu vệ sinh: 2.000 đồng/lượt; Thu trông giữ hàng hóa ban đêm: 5.000- 10.000 đồng/ki-ốt/đêm
2	Chợ Ấp 1 Long Thọ	Xã Long Thọ	C157	2	DN		X		chưa	17.000 24.500		5.000-10.000	36.000			có thu		
3	Chợ Phước Thiện	Xã Phước Thiện	C153	3	BQL	X		PL				5.000-10.000	20.000					
4	Chợ Phước Khánh	Xã Phước Khánh	C154	3	BQL	X		PL				5.000-10.000		170.000 đ/hộ/tháng				
5	Chợ Sơn Hà	Xã Vĩnh Thanh	C163	3	BQL	X		PL				5.000-10.000	50.000					
6	Chợ Ấp 4 Long Thọ	Xã Long Thọ	C158	3	BQL	X						5.000-10.000	50.000					
7	Chợ Phú Hữu	Xã Phú Hữu	C160	3	DN		X		chưa	không thu		5.000-10.000	60.000					
8	Chợ Giồng Ông Đông	Xã Phú Đông	C161	3	BQL	X		PL				5.000-10.000	20.000					
9	Chợ Phước An	Xã Phước An	C155	3	DN		X		chưa		Từ 18 triệu đến 40 triệu đồng	5.000-10.000	50.000			có thu		
10	Chợ Hòa Bình	Xã Vĩnh Thanh	C164	3	DN		X		chưa	không thu		5.000-10.000	40.000					

S T T	Tên chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch	Hạng chợ	Hình thức quản lý chợ	Hình thức đầu tư xây dựng chợ		Nhóm chợ	Kê khai giá	Thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ			Thu đầu tư			Thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ		Ghi chú
						Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn ngoài NSNN			Hộ KD cố định		Hộ KD không cố định	Ki-ốt Đồng/m²/tháng	Điểm KD khác Đồng/m²/tháng	Thu theo đơn vị khác	Thu theo QĐ 27	Khác	
										Thu theo đơn vị Đồng/m²/tháng	Thu theo đơn vị khác	Đồng/hộ/ngày						
11	Chợ Đoàn Kết	Xã Vĩnh Thanh	C165	3	BQL	X		PL				5.000-10.000	50.000					
12	Chợ Ấp 3 Hiệp Phước	Thị trấn Hiệp Phước	Xóa	3	HTX		X		chưa		Từ 15 triệu đến 35 triệu đồng	5.000-10.000	54.000					
X	HUYỆN CẨM MỸ		11	11		8	3	7		0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Chợ Sông Ray	Xã Sông Ray	C166	1	DN		X		chưa									Tạm ngưng hoạt động
2	Chợ Cẩm Mỹ	Thị trấn Long Giao	C167	1	DN		X		chưa									Tạm ngưng hoạt động
3	Chợ Bảo Bình	Xã Bảo Bình	C168	3	BQL	X		PL										
4	Chợ Xuân Mỹ	Xã Xuân Mỹ	C169	3	HTX	X		PL										
5	Chợ Láng Me	Xã Xuân Đông	C170	3	BQL	X		PL										
6	Chợ Ấp 1 Xuân Tây	Xã Xuân Tây	C171	3	BQL		X											
7	Chợ Xuân Bào	Xã Xuân Bào	C172	3	BQL	X		PL										
8	Chợ Xuân Quế	Xã Xuân Quế	C173	3	BQL	X		PL										
9	Chợ Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn	C174	3	BQL	X		PL										
10	Chợ Nhân Nghĩa	Xã Nhân Nghĩa	C175	3	HTX	X		PL										
11	Chợ Suối Nhát	Xã Xuân Đông	Xóa	3	BQL	X												
XI	HUYỆN LONG THÀNH		10	10		5	5	0		1	1	1	1	1	0	0	0	
1	Chợ Long Thành	Thị trấn Long Thành	C176	1	DN		X		X	60.000	833 đồng/ngày	4.000	Từ 50.000 đến 112.000	Từ 22.647 đến 43.333				Thu đầu tư hệ kinh doanh không cố định 60.000 đồng/m2/tháng
2	Chợ Phước Thái	Xã Phước Thái	C177	2	BQL	X												
3	Chợ Long Phú	Xã Phước Thái	C197	3	DN		X		chưa									
4	Chợ ấp 2 Long An	Xã Long An	C189	3	DN		X		chưa									
5	Chợ Phước Bình	Xã Phước Bình	C192	3	DN		X		chưa									Giám đốc DN bị bắt tạm giam; tổ chức quản lý chợ giải thể không còn hoạt động
6	Chợ An Bình	Xã An Phước	C191	3	DN		X		chưa									
7	Chợ Cẩm Đường	Xã Cẩm Đường	C182	3	BQL	X												
8	Chợ An Viễn	Xã Bình An	C190	3	BQL	X												
9	Chợ Bình Sơn	Xã Bình Sơn	C194	3	HTX	X												
10	Chợ Phước Hòa	Xã Long Phước	C187	3	BQL	X												
	TỔNG CỘNG (*)		148	148		94	54	81	3	39	7	57	34	23	1	6	1	

Ghi chú: (*) Đây là các chợ đang hoạt động trong quy hoạch đã loại trừ các chợ mà địa phương đã kiến nghị xóa bỏ quy hoạch (theo đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao)

PL: là chợ có mức thu được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 27/2017/QĐ-UBND (77/81 chợ)

Chợ đầu mối: 01

BQL: 73

Chợ thành thị: 49

Chợ được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn NSNN: 94

Chợ hạng 1: 9

HKD: 3

Chợ nông thôn: 99

Chợ được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài NSNN: 54

Chợ hạng 2: 29

HTX: 33

Chợ hạng 3: 109

DN: 39